

**ĐIỀU LỆ
HỘI XÂY DỰNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**
*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3826 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2017
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên của Hội

1. Tên tiếng Việt: Hội Xây dựng thành phố Đà Nẵng.
2. Tên tiếng Anh: DaNang Construction Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: DCA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội

1. Hội Xây dựng thành phố Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các công dân, tổ chức Việt Nam đã và đang công tác, hoạt động trong ngành xây dựng, cùng nhau đoàn kết phấn đấu góp phần phát triển ngành xây dựng và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội.
2. Mục đích hoạt động của Hội nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho hội viên, góp phần xây dựng và phát triển ngành xây dựng và thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở của Hội

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại 327 Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Hội

1. Hội hoạt động trên phạm vi thành phố Đà Nẵng trong lĩnh vực xây dựng.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND thành phố Đà Nẵng, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng và các cơ quan nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Sở Xây dựng là cơ quan quản lý nhà nước đối với lĩnh vực hoạt động chính của Hội.

3. Hội được tham gia làm hội thành viên của Tổng hội Xây dựng Việt Nam và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Đà Nẵng theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội.

2. Tập hợp, động viên hội viên phát huy truyền thống đoàn kết, thân ái; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của hội viên; phối hợp hoạt động của các hội viên vì lợi ích chung của Hội, hội viên; tuyên truyền và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển ngành xây dựng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

3. Khuyến khích giúp đỡ, tạo điều kiện để hội viên tham gia hoạt động khoa học, công nghệ, tham dự hội thảo khoa học, các khóa đào tạo về lĩnh vực xây dựng; phổ biến kiến thức, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật về xây dựng, các chế độ, chính sách và pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực xây dựng theo quy định của pháp luật.

5. Hoà giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thông tin tuyên truyền đến các hội viên, tổ chức của Hội về các tiến bộ kỹ thuật, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng.

8. Tuyên truyền, vận động phát triển hội viên mới, xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 7. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội và theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện theo đề nghị của cơ quan nhà nước về lĩnh vực xây dựng; tham gia ý kiến về xây dựng cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách, pháp luật, kế hoạch, dự án phát triển khoa học có liên quan đến chuyên ngành xây dựng theo quy định của pháp luật; cung cấp các dịch vụ thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.

5. Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng và triển khai các dự án ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực xây dựng vào sản xuất và đời sống, tổng kết các vấn đề khoa học và công nghệ trong lĩnh vực xây dựng theo quy định của pháp luật.

6. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chính sách, pháp luật cho hội viên và tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

8. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội. Mở rộng quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị, tổ chức khoa học và kỹ thuật về xây dựng theo quy định của pháp luật.

9. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

10. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

11. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

12. Kết nạp và xóa tên hội viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Hội.

13. Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, có đơn tự nguyện đề nghị gia nhập Hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Các tổ chức Việt Nam có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, thì được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đề nghị vào Hội, được Ban Chấp hành Hội công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: Công dân Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự và hoạt động trong lĩnh vực xây dựng; tổ chức Việt Nam là pháp nhân theo quy định của Bộ luật Dân sự, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập Hội.

3. Các tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đề nghị gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là chi hội cơ sở (hay chi hội thành viên) của Hội.

4. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên và huy hiệu của Hội; tham gia các hoạt động của Hội như hội thảo, lớp bồi dưỡng kiến thức, nhận tạp chí, bản tin tùy theo điều kiện tài chính thực tế của Hội; được trình bày các đề tài nghiên cứu trong các buổi sinh hoạt khoa học của Hội theo quy định của Hội; được Hội nhận xét về các công trình của hội viên, khi cần thiết được chọn công trình nghiên cứu, sáng tác để đề nghị khen thưởng, công nhận và bảo quyền tác giả theo quy định của Hội và quy định của pháp luật; được giới thiệu đăng tải các công trình nghiên cứu khoa học trên các ấn phẩm, tạp chí, nội san của Hội và các tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Chủ tịch Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

6. Chi hội cơ sở báo cáo Ban Chấp hành Hội về hoạt động của chi hội theo định kỳ (trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 15 tháng 11) hàng năm; thu và đóng hội phí của hội viên theo quy định để nộp về Hội vào Quý I hàng năm.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Công dân, tổ chức Việt Nam muốn gia nhập Hội phải tự nguyện làm đơn đề nghị gia nhập Hội, gửi Ban Thường trực Hội xem xét, quyết định.

2. Khi muốn ra khỏi Hội, hội viên phải làm đơn đề nghị ra khỏi Hội (nêu rõ lý do), báo cáo lãnh đạo chi hội cơ sở có ý kiến và chi hội cơ sở gửi Ban Thường trực Hội xem xét, quyết định thống nhất việc thôi tham gia Hội của hội viên và xóa tên trong danh sách hội viên.

3. Hội viên được kết nạp theo quy định tại Khoản 1 Điều này; được Ban Thường trực Hội phân công sinh hoạt tại một chi hội cơ sở của Hội. Trường hợp hội viên không tham gia hoạt động, không đóng hội phí, chi hội cơ sở nơi hội viên được phân công về sinh hoạt phải có trách nhiệm báo cáo Ban Thường trực Hội để xóa tên trong danh sách hội viên.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng và các ban chức năng.
6. Chi hội cơ sở của Hội.
7. Các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung, thay thế); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội.

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội.

e) Các nội dung khác (nếu có).

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành theo nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường trực, bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/5 (một phần năm) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành cứ ba tháng họp ít nhất một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành bằng nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực theo nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của chi hội cơ sở thuộc Hội; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường trực cứ mỗi tháng họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường trực.

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành bằng nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Văn phòng, các ban chức năng; chi hội cơ sở, tổ chức, đơn vị thuộc Hội

1. Ban Chấp hành quyết định việc thành lập Văn phòng, các ban chức năng, chi hội cơ sở, tổ chức, đơn vị thuộc Hội và bổ nhiệm chức danh lãnh đạo Văn phòng, các ban chức năng, chi hội cơ sở, tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Văn phòng Hội và các ban chức năng là bộ phận tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành, Ban Thường trực và của Chủ tịch Hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội.

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Tổng thư ký Hội do Ban Chấp hành cử ra trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Tổng thư ký do Ban Chấp hành Hội quy định. Tổng thư ký chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Chủ tịch Hội trong việc tổ chức, điều hành công việc hàng ngày nhằm triển khai thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường trực. Tổng thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương V TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 20. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên.
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc.

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VI KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 23. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng một trong các hình thức sau đây: Khiển trách, cảnh cáo, giải thể đối với tổ chức thuộc Hội; khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; khiển trách, cảnh cáo, thôi tham gia hội viên và xoá tên khỏi Hội đối với hội viên.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Xây dựng thành phố Đà Nẵng mới có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ Hội phải được trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và phải được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt thì mới có hiệu lực thi hành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Xây dựng thành phố Đà Nẵng gồm 07 (bảy) Chương, 25 (hai mươi lăm) Điều đã được Đại hội Hội Xây dựng thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2017 - 2022 thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2017 tại thành phố Đà Nẵng và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội Xây dựng thành phố Đà Nẵng, Ban Chấp hành Hội Xây dựng thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

CHỦ TỊCH
(đã ký)

Huỳnh Đức Thơ